TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 300/2023/HNGĐ-ST Ngày 09-9-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th,** sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá D**, sinh năm 1996.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Vương Thị M**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá D được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2019 anh D đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc, hỏi han quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến đầu năm 2020, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Bắc Giang sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Bá D theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/01/2017, hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh D. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/01/2017 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Do hiện nay anh D đang lao động tại nước ngoài nên chị nhất trí tạm giao con chung Nguyễn Bảo L cho bố mẹ đẻ anh D chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Vương Thị M (mẹ đẻ của anh Nguyễn Bá D) thể hiện: Anh D hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh D thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết.Vợ chồng chị Th, anh D xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, khi anh D đi nước ngoài chị Th ở nhà có điều tiếng về việc không chung thủy nên giữa vợ chồng không có sự tin tưởng nhau. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh D biết. Anh D không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà qua điện thoại và xác định vợ chồng không bỏ qua được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.Về con chung: Anh D có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Do hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) nên anh D đề nghị Tòa án tạm giao con chung cho bà Mây chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà Mây nhất trí với sự ủy quyền của anh D về việc nuôi con chung trong thời gian D không có mặt tại Việt Nam, không yêu cầu chị Th, anh D cấp dưỡng cho cháu Lâm và đề

nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Bá D kết hôn hợp pháp, địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh D là do không hòa hợp, không có sự tin tưởng nhau. Thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi, đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Nay chị Th có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Th và bà Vương Thị M vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh Nguyễn Bá D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Bá D. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/01/2017 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Bảo L cho bà Vương Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Bá D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và gia đình bà Mây không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Mây vẫn thường xuyên liên lạc với anh D nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh D biết việc chị Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh D biết. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai, chị Th, bà Mây có quan điểm đề nghị xét xử

vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Bá D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2016, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có sự tin tưởng nhau, thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Anh Nguyễn Bá D không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Bá D đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Bá D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Bá D có một con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/01/2017. Xét về thực tế cháu Lâm đang ở cùng với bà Mây. Anh D có nguyện vọng được nuôi con và ủy quyền cho bà Mây nuôi cháu Lâm trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Chị Th cũng nhất trí việc giao con chung cho anh D nuôi dưỡng và tạm giao cháu Lâm cho bà Mây tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Nguyễn Bá D nuôi dưỡng con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Bảo L cho bà Vương Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị Th có căn cứ cho rằng anh D không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Th** ly hôn anh **Nguyễn Bá D.**

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Bá D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/01/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Bảo L số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Nguyễn Bá D không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Bảo L cho bà Vương Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002136 ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bá D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Th, bà Vương Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã N, huyện N, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân